

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội đưa huyện
Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025**

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ 2021-2025; số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025; số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc hỗ trợ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022- 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 22/12/2022 của Huyện ủy Phong Thổ về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025.

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu phù hợp, sát điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng theo Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 22/12/2022 của Huyện ủy. Qua đó phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị, sự vào cuộc của toàn xã hội trong công tác giảm nghèo, tạo sự chuyển biến nhanh về đời sống, vật chất, tinh thần của người dân, nhất là người nghèo, người dân tộc thiểu số trong toàn huyện.

- Tăng cường công tác chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các chính sách trên địa bàn. Đề ra giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, kế hoạch giảm nghèo.

2. Yêu cầu

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch; các cơ quan, đơn vị được giao phụ trách, hỗ trợ xã, thị trấn chủ động phối hợp, phân công cán bộ, công chức cơ quan cùng xã tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế xã, thị trấn.

- Triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, lồng ghép các nhiệm vụ giải pháp để đem lại hiệu quả cao trong thực hiện kế hoạch.

- Từ huyện đến xã, thị trấn phân công cụ thể thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG gắn với cơ quan, đơn vị phụ trách hỗ trợ các xã trong việc giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo có địa chỉ theo kế hoạch giảm nghèo hằng năm giao cho các thôn, bản.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đồng bộ, nâng cao chất lượng các tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với mức bình quân chung của huyện. Phát triển toàn diện về giáo dục, y tế, văn hóa; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025.

2. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025

(1) Về kinh tế - xã hội

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng/người.
 - Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 43,75% (7 xã); duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn huyện đạt 16,8 tiêu chí/xã và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn dưới 30%

- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo 5 tuổi đạt 98,5%, Tiểu học đạt 99,5%, Trung học cơ sở đạt 96%, Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT và học nghề (từ trung cấp nghề trở lên) đạt 60%.

- 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 55% tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống dưới 18%, suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 26%.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 90% bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 75% thôn, bản và 98% tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt chuẩn văn hóa; có 38 câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.

(2) Giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 55% trở lên (trong đó: tỷ lệ người lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 25%). Hỗ trợ trên 250 lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng.

- Trên 93% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 90% xã, thị trấn có các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

(3) Về đầu tư cơ sở hạ tầng

Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo duy trì 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 99,4% số bản có đường giao thông xe máy hoặc ô tô đến bản đi lại thuận lợi (trong đó 98,83% được cứng hóa); 99,5% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác; 100% trường học và trạm y tế xã được xây dựng kiên cố; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; 100% hộ dân đang cư trú tại các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Kế hoạch này được tổ chức triển khai thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực trong phạm vi toàn huyện.

2. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Người dân, cộng đồng dân cư, các xã, các hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến hết năm 2025.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Nâng cao thu nhập bình quân đầu người

Tăng cường phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập bình quân đầu người đạt từ 45 triệu đồng/người trở lên, cụ thể:

1.1.1. Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

a) Nội dung thực hiện

- Đổi mới cơ cấu cây trồng, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực được xác định trong đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu của huyện và Đề án nông nghiệp hàng hóa tập trung, đến năm 2025: Duy trì và phát triển 1.181ha cây Mắc ca (*ở những diện tích đất trống chưa sử dụng hoặc đất nương đồi chuyển đổi, những vùng có độ cao dưới 1.200m*); 1.000ha cây chè (*Phát triển vùng chè tập trung tại các xã Nậm Xe, Sin Suối Hồ, Lản Nhì Thàng, Hoang Thèn, Bản Lang, Khổng Lào...; đồng thời thực hiện trồng mới và thực hiện bảo tồn vùng Chè cổ thụ trên địa bàn các xã Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Sin Suối Hồ, Đào San, Pa Vây Sừ, Tung Qua Lìn, Hoang Thèn...*); phát triển 300-500ha cây mía (*tại các xã: Hoang Thèn, Mù Sang, Huổi Luông, Ma Li Pho, Khổng Lào...*), duy trì 1.365,41ha cây cao su; Tập trung phát triển cây ăn quả, nhất là phát triển 300-500ha cây Xoài, nhãn (*gắn với liên kết tiêu thụ và chế biến sản phẩm tại các xã Nậm Xe, Khổng Lào, Hoang Thèn, Thị trấn, Mường So, Bản Lang, Huổi Luông, Ma Li Pho, Lản Nhì Thàng.....*), duy trì 2.700ha cây chuối hiện có; mở rộng phát triển 200-300ha cây ăn quả ôn đới (*Lê, Đào...tại các xã vùng cao biên giới và một số vùng có điều kiện khí hậu phù hợp*), phát triển 150-200ha cây Chanh leo (*tại các xã Bản Lang, Nậm Xe, Huổi Luông, Đào San....*). Giữ vững diện tích gieo cấy lúa, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn (*tổng sản lượng lương thực đạt trên 35.000 tấn*), phân đấu đảm bảo 500ha diện tích lúa hàng hóa tập trung, trong đó có khoảng trên 160 diện tích lúa đặc sản địa phương (*Nếp tan, Tẻ râu*). Tập trung phát triển rau, củ quả, trong đó: Phát triển trên 74.000 chậu hoa địa lan (*tại các xã vùng cao, đặc biệt nhất là tại xã Sin Suối Hồ, Lản Nhì Thàng và một số vùng lân cận có điều kiện phù hợp*), phát triển 200-400ha cây Dong riềng.... Phát triển các sản phẩm đặc hữu của huyện như cây dược liệu với quy mô 200-300ha (*đặc biệt là cây sâm Lai Châu, thất diệp nhất chi hoa, ...*)

- Phát triển chăn nuôi toàn diện, chú trọng phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê và những sản phẩm có tiềm năng, lợi thế theo hướng tăng nhanh năng suất, sản lượng và hiệu quả để đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho nhu cầu trong huyện và xuất ra ngoài huyện. Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng chuồng trại tập trung, làm hầm biogas, sử dụng đệm lót sinh học, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Phân đấu đến năm 2025 có khoảng 01 cơ sở chăn nuôi lợn (*với quy mô khoảng 20.000 con*), 01 cơ sở chăn nuôi bò (*với quy mô 60 con*), 02 cơ sở chăn nuôi ngựa (*với quy mô 100 con*), 03 cơ sở chăn nuôi dê (*với quy mô 180 con*)... đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng đàn gia súc bình quân 5%/năm. Đồng thời tiếp tục khai thác tiềm năng đất đai, rừng để hình thành, phát triển nghề nuôi ong trên địa bàn toàn

huyện, khuyến khích nuôi thả đàn ong theo hướng tự nhiên, kiểm soát dịch bệnh, áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện môi trường, phấn đấu đến năm 2025 có khoảng trên 1.500 đàn ong các loại.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm thủy sản phù hợp với nhu cầu thị trường, chú trọng phát triển mở rộng vùng nuôi cá nước lạnh với các giống đặc sản có giá trị cao như: Tầm, hồi... Tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô tại 04 cơ sở nuôi cá nước lạnh với quy mô trên 3.587m³, sản lượng trên 35 tấn

- Tập trung quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên trên 1.730ha; trồng mới khoảng 456 ha rừng, trong đó: Rừng phòng hộ 46 ha, rừng sản xuất và cây phân tán 410 ha (*cây Quế 300 ha; cây gỗ lớn 50 ha; cây phân tán khoảng 60.000 cây tương đương với 60 ha*); tỷ lệ che phủ rừng đạt 45% vào năm 2025. Kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đặc biệt là các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng góp phần phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Tăng cường kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông lâm nghiệp trên địa bàn gắn với tiêu thụ và chế biến. Đặc biệt quan tâm tổ chức, kêu gọi, thu hút đầu tư 01 cơ sở chế biến Mắc ca tại xã Mường So, 01 cơ sở chế biến chè tại xã Sin Suối Hồ (*hoặc Nậm Xe/Mường So*), 01 cơ sở bảo quản hoa quả tươi tại Mường So; 01 cơ sở chế biến chuối; 01 cơ sở chế biến sợi chuối gắn với sản xuất phân bón từ thân cây chuối; 01 cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi và chế biến tinh dầu Quế...

- Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã. Nhất là tập trung phát triển vùng trồng sâm, dược liệu tại các xã vùng cao nơi có điều kiện phù hợp. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc định hướng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, chất lượng, quy cách nông sản và thị trường tiêu thụ; hợp tác xã, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp.

b) Dự kiến nguồn vốn triển khai thực hiện

- Nguồn vốn dự kiến thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp): 75.270 triệu đồng, trong đó kinh phí thực hiện đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ giảm nghèo 41.325 triệu đồng; kinh phí thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất 33.945 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (*vốn sự nghiệp*) dự kiến: 61.800 triệu đồng; trong đó: Dự kiến kinh phí phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân là 24.246 triệu đồng; dự kiến kinh phí phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân là 37.554 triệu đồng.

- Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (*vốn sự nghiệp*): 4.607 triệu đồng.

- Nguồn vốn từ các chương trình, nghị quyết đề án như: Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 quy định chính sách đặc thù khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025; số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất tập trung giai đoạn 2021-2025: Kinh phí dự kiến triển khai khoảng 60.000 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Giao phòng Nông nghiệp và PTNT đầu mối theo dõi, tổng hợp thực hiện nội dung này.

- Trên cơ sở các Kế hoạch đã được UBND huyện ban hành như: Kế hoạch số 1347/UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Phong Thổ về việc triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1346/UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Phong Thổ về việc triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 382/KH-UBND ngày 09/3/2020 về triển khai thực hiện “Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”; Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 09/3/2020 về triển khai thực hiện “Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025” và các văn bản khác liên quan. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ tại các Kế hoạch, văn bản chủ động triển khai tổ chức thực hiện.

1.1.2. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động

a) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Hàng năm, đào tạo nghề cho 1.200 lao động chưa được trang bị nghề hoặc đã được trang bị nghề nhưng có nhu cầu chính đáng đào tạo lại để chuyển đổi nghề; nâng tỷ lệ qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (trình độ đào tạo từ 2 tháng trở lên) đạt từ 48,8% năm 2022 lên 55% vào năm 2025; tỷ lệ qua đào tạo chung từ 68,4% năm 2022 lên 77,5% năm 2025.

- Đẩy mạnh triển khai công tác tuyên truyền, tư vấn giải quyết việc làm an toàn cho người lao động có nguyện vọng tìm việc làm, đảm bảo mức thu nhập ổn định. Hàng năm giải quyết việc làm mới cho trên 1.000 lao động, cụ thể:

+ Lao động qua hình thức xuất khẩu lao động trên 60 người/năm.

- + Đi học và làm việc tại Tập đoàn Than - Khoáng sản trên 60 người/năm.
- + Đi làm việc ở các công ty, khu công nghiệp khác trong nước trên 600 người/năm.
- + Tạo việc làm qua hình thức học nghề, vay vốn để khởi nghiệp tại địa phương trên 300 người/năm.

(Biểu chi tiết số 01-02 kèm theo)

b) Giải pháp thực hiện: Bám sát nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025 theo định hướng cơ cấu phát triển huyện và nhu cầu tuyển dụng lao động của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước tổ chức đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, tư vấn việc làm đảm bảo mọi người dân, người lao động biết được đầy đủ thông tin thị trường lao động trong và ngoài nước để lao động lựa chọn việc phù hợp, thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo bền vững.

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

1.1.3. Hỗ trợ vay vốn đất sản xuất, chuyển đổi nghề, sản xuất kinh doanh, nhà ở, đất ở cho người dân và thiếu nước sinh hoạt.

a) Nội dung: Hỗ trợ vay vốn giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; hỗ trợ vay vốn chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống. Ưu tiên hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

Hằng năm, căn cứ các nguồn lực được phân bổ và các nguồn lực khác, lập kế hoạch chi tiết đến từng hộ gia đình để triển khai thực hiện.

b) Dự kiến kinh phí:

+ Hỗ trợ vay vốn đất ở cho khoảng 2.025 hộ, kinh phí hỗ trợ 139.858 triệu đồng (NSTW là 81.280 triệu đồng, NSDP là 8.128 triệu đồng, vốn tín dụng là 50.450 triệu đồng).

+ Hỗ trợ vay vốn nhà ở cho khoảng 2.501 hộ, kinh phí hỗ trợ 174.107 triệu đồng (NSTW là 102.120 triệu đồng, NSDP là 10.212 triệu đồng, vốn tín dụng là 61.775 triệu đồng).

+ Hỗ trợ vay vốn đất sản xuất cho khoảng 1.095 hộ, kinh phí hỗ trợ 114.617 triệu đồng (NSTW là 29.115 triệu đồng, vốn tín dụng là 85.502 triệu đồng).

+ Hỗ trợ vay vốn chuyển đổi nghề cho khoảng 764 hộ, kinh phí hỗ trợ 88.147 triệu đồng (NSTW là 8.640 triệu đồng, vốn tín dụng là 79.507 triệu đồng).

+ Hỗ trợ vay vốn sản xuất, kinh doanh cho khoảng 945 hộ, kinh phí cho vay khoảng 36.500 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm cho khoảng 1.290 hộ, kinh phí cho vay khoảng 89.500 triệu đồng.

c) Giải pháp thực hiện: Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi từ ngân sách nhà nước để các hộ dân khó khăn về vốn tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay. Cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội từ huyện đến cơ sở tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân mạnh dạn vay vốn ưu đãi để phát triển đất ở; xây mới, sửa chữa nhà ở, phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt,... góp phần hoàn thiện chỉ tiêu thiếu hụt, giảm nghèo bền vững.

d) Phân công thực hiện: Giao Phòng Dân tộc đầu mối, phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

1.2. Xây dựng và duy trì chất lượng nông thôn mới

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng, duy trì tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 43,75% (7 xã) vào năm 2025; duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn huyện đạt 16,8 tiêu chí/xã và không còn xã dưới 15 tiêu chí. Đến năm 2025, hoàn thiện các tiêu chí để có thêm 03 xã (*Hoang Thèn, Lán Nhì Thành, Bản Lang*) đạt chuẩn nông thôn mới. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt và hoàn thiện các tiêu chí còn nợ đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; tập trung hoàn thiện từng tiêu chí đối với các xã đạt dưới 15 tiêu chí, đảm bảo đến năm 2025 không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Tập trung chỉ đạo, lãnh đạo đẩy mạnh chương trình OCOP nhằm phát huy sức mạnh của cộng đồng, người dân để hình thành các sản phẩm truyền thống, đặc sản địa phương, góp phần tăng thu nhập, hoàn thành tiêu chí thu nhập. Tập trung hỗ trợ các chủ thể phát triển ý tưởng, tham gia bình chọn sản phẩm OCOP, hỗ trợ bao bì, nhãn mác, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm... Tăng cường hỗ trợ giúp người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hình thành ý tưởng phát triển các sản phẩm thông qua các chương trình, chính sách, dự án...

b) Dự kiến bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện, giai đoạn 2021-2025: 570.820 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách Trung ương trực tiếp đầu tư: 37.519 triệu đồng;

- Vốn ngân sách địa phương: 43.300 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 486.966 triệu đồng;
- Cộng đồng dân cư tham gia đóng góp: 3.035 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Giao Văn phòng Điều phối Nông thôn mới - Phòng Nông nghiệp và PTNT đầu mối theo dõi, tổng hợp thực hiện nội dung này.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 14/02/2022 của UBND huyện Phong Thổ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Phong Thổ. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM hằng năm đảm bảo kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí theo lộ trình đã đề ra theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công. Đồng thời trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, tiêu chí nông thôn mới theo lĩnh vực được phân công; tiếp tục tuyên truyền và thực hiện các phong trào về xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn các xã rà soát, định hướng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng xã cũng như hoàn thành mục tiêu kế hoạch giao. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thuộc Chương trình được phân công chủ trì, gửi về cơ quan thường trực Chương trình để tổng hợp.

1.3. Giảm tỷ lệ hộ nghèo

a) Nội dung thực hiện

Triển khai chính sách, chương trình hỗ trợ giảm nghèo nói chung và hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng theo tính hệ thống, toàn diện, đảm bảo nguồn lực để thực hiện và được đánh giá theo kết quả đầu ra nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập gắn với chuỗi giá trị nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Cải thiện và nâng cao đời sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều, ưu tiên đối tượng hộ nghèo các xã khó khăn, vùng cao biên giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các khu vực trong toàn huyện, giữa các nhóm dân cư, tạo cơ hội để đối tượng nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm, tăng thu nhập, tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin cho đối tượng nghèo. Thực hiện chính sách giảm nghèo gắn với đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn toàn huyện đặc biệt là các xã biên giới.

b) Giải pháp thực hiện

- Để thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân theo từng năm đảm bảo kế hoạch đề ra. Các cơ quan, đơn vị, ủy ban nhân dân xã, thị trấn chủ động nghiên cứu,

tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hiệu quả cho người dân. Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo. Kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, kinh doanh nhằm tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là lao động thuộc hộ nghèo góp phần thực hiện tốt phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Triển khai chính sách đặc thù, đồng bộ đối với nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo theo hướng hỗ trợ theo nhóm cộng đồng, có thu hồi, luân chuyển do cộng đồng tự quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp với phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương, dân tộc nhằm phát huy nội lực của mỗi người dân, hộ gia đình đồng thời hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Tích cực tuyên truyền, vận động, huy động mọi nguồn lực tập trung phát triển toàn diện kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo; triển khai kịp thời, có hiệu quả lĩnh vực giảm nghèo nhằm tập trung giải quyết thiếu hụt các chỉ số về nhà ở, y tế, giáo dục, nước sinh hoạt...; cân đối nguồn lực trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nhằm phát huy có hiệu quả các chương trình, chính sách đầu tư cho công tác giảm nghèo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội, các chính sách có liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt giám sát việc đầu tư ngân sách để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo tại các địa phương.

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn xã xây dựng kế hoạch giảm nghèo đến bản, địa chỉ hộ gia đình cụ thể. Kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện.

1.4. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường

Tăng cường tổ chức các hoạt động, chương trình huy động học sinh trong độ tuổi đến trường tính đến năm 2025 đảm bảo đạt tiêu chí: Mẫu giáo 5 tuổi đạt 98,5%, Tiểu học đạt 99,5%, Trung học cơ sở đạt 96%, Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT và học nghề (từ trung cấp nghề trở lên) đạt 60%.

a) Nhiệm vụ hoạt động

Tham mưu UBND huyện chỉ đạo các trường tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban chỉ đạo phổ cập các xã tuyên truyền, vận động nhân dân đưa con em đến trường, tăng cường công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học.

Chỉ đạo các trường tổ chức tốt việc quản lý và nuôi dưỡng học sinh bán trú, thu hút học sinh đến ở bán trú tại trường đồng thời chỉ đạo dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Giải pháp thực hiện

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh về phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn dưới hình thức trực tiếp thông qua các hội nghị, các

hoạt động giáo dục, gián tiếp trên các kênh báo chí, kênh thông tin nội bộ,... phù hợp với đối tượng, đặc thù của từng đơn vị. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giáo dục; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể trong triển khai thực hiện. Tập trung thực hiện toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch trong giai đoạn 2021 - 2025.

Tập trung đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, quản trị trường học; chú trọng chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường đổi mới, linh hoạt điều chỉnh về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh vùng đặc biệt khó khăn hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, sắp xếp bố trí đội ngũ giáo viên đảm bảo hợp lý giữa các trường, các cấp học.

Rà soát, thực hiện sắp xếp tinh gọn hệ thống trường, lớp học. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người dạy và người học. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

Duy trì các trường đã đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2025 có 28/48 trường đạt 58,3%.

Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học có hiệu quả. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất trường học; nhà ở cho học sinh bán trú; trang thiết bị dạy và học đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy và học; Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn đầu tư của các tổ chức, cá nhân, huy động nguồn lực của nhân dân trên địa bàn để đầu tư, tu sửa, nâng cấp nhà lớp học, mua sắm trang thiết bị dạy học

* Kinh phí thực hiện dự kiến: Khoảng 2.000 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 04 kèm theo)

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo đầu mối, phối hợp với cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện

1.5. Tăng cường các hoạt động đảm bảo xã hội

Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế. Phụ nữ đẻ được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; trẻ em suy dinh dưỡng được hỗ trợ kịp thời.

a) Nội dung thực hiện: Từ 98% trở lên đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; 100% người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Trên 55% tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống dưới 18%, suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 26%.

b) Giải pháp thực hiện:

Tăng cường điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được cấp thẻ BHYT để kịp thời phát hiện và bổ sung thiếu hụt về thẻ BHYT cho người dân, cùng với đó tuyên truyền việc hỗ trợ mua BHYT và tăng mức hưởng BHYT đối với hộ dân phải tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện và hộ dân thuộc diện phải đối ứng khi tham gia BHYT, nâng cao dân nhận thức, thay đổi ý thức về khám, chữa bệnh cho người dân, và người dân có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ y tế hiện đại, đảm bảo, giảm bớt gánh nặng về kinh tế khi tham gia BHYT.

Trung tâm y tế huyện chỉ đạo trạm y tế tham mưu chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai, sinh đẻ đến trạm y tế thăm khám đảm bảo theo dõi sức khỏe bà mẹ và thai nhi.

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội đầu mối, phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện.

1.6. Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc

a) Nội dung thực hiện: Tổ chức các hoạt động, lễ hội, cuộc thi, phòng trào nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Đến năm 2025, 90% bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 75% thôn, bản và 98% tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt chuẩn văn hóa; có 38 câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở

(Biểu chi tiết số 05 kèm theo)

b) Giải pháp thực hiện

+ Nâng cao việc nghiên cứu, sưu tập, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch đi đôi với nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt các cơ chế, chính sách; tập trung các nguồn lực trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch

+ Tăng cường nguồn lực phát triển vận động nhân dân đóng góp xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở với sự hỗ trợ của Nhà nước để đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, ổn định về tổ chức và hoạt động, ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao tại các xã vùng cao, biên giới của huyện còn nhiều khó khăn.

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Văn hóa-Thông tin huyện đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện

2. Giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

2.1. Dịch vụ viễn thông, internet, truyền thông giảm nghèo

a) Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ cung cấp mạng wifi, internet miễn phí tại khu vực trung tâm xã, nhà văn thôn/bản/tổ dân phố, các điểm du lịch. Hỗ trợ điện thoại thông minh có khả năng truy cập internet cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng tin, bài tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo đa chiều về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới,...

b) Giải pháp thực hiện.

Bám sát nhiệm vụ chính trị và sự chỉ đạo của huyện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025, tăng cường triển khai công tác truyền thông về giảm nghèo trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo sự tiếp cận thông tin của người dân, nhất là đối với các hộ nghèo, cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn về công tác giảm nghèo.

Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng mạng viễn thông băng rộng nhằm cung cấp đa dạng dịch vụ trên nền viễn thông băng rộng đến 100% thôn/bản/tổ dân phố.

(Biểu chi tiết số 06 kèm theo)

c) Dự kiến bố trí nguồn vốn triển khai: Khoảng 1.000 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Giao Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện

2.3. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Nội dung thực hiện

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ, phải xây dựng lại hoặc sửa chữa nhưng không có khả năng tự cải thiện nhà ở đảm bảo an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Dự kiến bố trí nguồn vốn triển khai

Hỗ trợ khoảng 1.217 hộ nghèo, hộ cận nghèo (trong đó xây mới khoảng 1.126 hộ, sửa chữa khoảng 91 hộ), định mức hỗ trợ xây mới 40 triệu đồng/nhà, sửa chữa 20 triệu đồng/nhà. Tổng kinh phí khoảng 46.860 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 07 kèm theo)

c) Giải pháp thực hiện

Các cấp chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hộ khó khăn về nhà ở tích cực, mạnh dạn vay vốn ưu đãi sửa chữa, xây mới nhà ở. Kêu gọi, vận động cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trong huyện đóng góp ủng hộ vào Quỹ “Vì người nghèo”; lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình giảm nghèo, huy động các tổ chức xã hội, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài huyện, tỉnh quyên góp, ủng hộ xóa nhà tạm. Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước và các nguồn lực hỗ trợ của tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

d) Phân công thực hiện: Giao Phòng Kinh tế-Hạ tầng đầu mối, phối hợp các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện.

2.4. Cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh

a) Nội dung thực hiện

- Dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%. Tăng cường quản lý, vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn. Đối với các công trình đã được đầu tư cần tập trung xây dựng các quy chế bảo vệ công trình sau khi đầu tư, đồng thời thành lập Tổ quản lý các công trình NSH tại các thôn, bản.

- Tiếp tục lồng ghép nguồn vốn đầu tư sửa chữa nâng cấp 21 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 695 hộ; đồng thời tổ chức duy tu vận 159 công trình cấp nước sinh hoạt đảm bảo hiệu quả.

b) Dự kiến bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện

Dự kiến lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt: 43.543 triệu đồng

(Biểu chi tiết số 08 kèm theo).

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT đầu mối theo dõi, tổng hợp thực hiện nội dung này.

3. Đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Nội dung thực hiện

Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa đảm bảo duy trì 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 99,4% số bản có đường giao thông xe máy hoặc ô tô đến bản đi lại thuận lợi (trong đó 98,83% được cứng hóa); 99,5% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác; 100% trường học và trạm y tế xã được xây dựng kiên cố; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; 100% hộ dân đang cư trú tại các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được quy hoạch, sắp xếp, di dời. Đến năm 2025 hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện đảm bảo phục vụ đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu dân sinh, góp phần hoàn thành mục tiêu giảm nghèo bền vững, huyện thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

(Biểu chi tiết số 09, 10 kèm theo)

b) Giải pháp thực hiện

Tăng cường rà soát hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

c) Phân công thực hiện: Giao Phòng Kinh tế-Hạ tầng và Ban Quản lý dự án đồng đầu mối, theo dõi, tổng hợp, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện nội dung này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến kinh phí Kế hoạch khoảng **1.790.878** triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 dự kiến khoảng **407.034** triệu đồng, chia ra:

- Ngân sách Trung ương: 271.034 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển 136.502 triệu đồng; dự kiến vốn sự nghiệp khoảng 135.000 triệu đồng*).

- Nguồn vốn thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 136.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 126.000 triệu đồng (*NSTW: 101.000 triệu đồng; NSDP: 25.000 triệu đồng*).

+ Vốn sự nghiệp: 10.000 triệu đồng (*nguồn NSTW*).

2. Ngân sách thực hiện Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2023-2025 dự kiến khoảng **406.505** triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển 226.505 triệu đồng; dự kiến vốn sự nghiệp khoảng: 180.000 triệu đồng*).

3. Ngân sách thực hiện Chương trình Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 dự kiến khoảng **15.364** triệu đồng (*Vốn đầu tư: 8.864 triệu đồng; Vốn sự nghiệp khoảng: 5.500 triệu đồng; Cộng đồng dân cư tham gia đóng góp: 1.000 triệu đồng*)

4. Vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng trồng dược liệu quý, hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp khoảng: **304.500** triệu đồng.

5. Vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đến giai đoạn 2023-2025 khoảng: **82.000** triệu đồng.

6. Nguồn kinh phí tỉnh giao thực hiện Đề án Phát triển du lịch huyện Phong Thổ giai đoạn 2023-2025 dự kiến khoảng **20.000** triệu đồng.

7. Nguồn vốn NSDP thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023 - 2025 là **253.732** triệu đồng (Nguồn vốn cân đối ngân sách: 87.717 triệu đồng; Nguồn

thu sử dụng đất dự kiến 57.331 triệu đồng; Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp, hàng hóa tập trung: 108.684 triệu đồng).

8. Kinh phí huyện bố trí thực hiện Đề án Phát triển hàng hóa cửa khẩu giai đoạn 2023-2025 khoảng **6.000** triệu đồng.

9. Một số nguồn kinh phí tỉnh bổ sung để thực hiện các dự án trên địa bàn: **295.743** triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện dự án: xây dựng điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai xã Bản Lang với tổng kinh phí: 17.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương cho các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng với tổng kinh phí đầu tư trên địa bàn huyện: 17.000 triệu đồng (thực hiện cho 02 dự án trên địa bàn huyện).

- Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ tới cầu Phiêng Đanh với tổng kinh phí: 100.000 triệu đồng.

- Nâng cấp đường Mò Sì San - Sì Lờ Lầu huyện Phong Thổ với tổng kinh phí: 80.000 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh giao cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án: Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ với tổng kinh phí: 81.743 triệu.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị mình phối hợp với UBND xã được giao phụ trách đến tận thôn, bản, hộ gia đình để tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo hằng năm, đặc biệt là tập trung quan tâm thực hiện các giải pháp hỗ trợ đối với những hộ gia đình trong kế hoạch thoát nghèo hằng năm. Đối với các đơn vị giao **đồng phụ trách xã** chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị được **giao phụ trách** thống nhất phân công, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu được giao.

2. Phân công nhiệm vụ, phụ trách

2.1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

+ Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện kế hoạch thoát nghèo, định kỳ tổng hợp, tham mưu báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện kế hoạch.

+ Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo giai đoạn và hằng năm. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn, công ty, doanh nghiệp kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm cho lao động trên địa bàn, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; rà soát, kiểm tra công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công, bảo trợ xã hội trên địa bàn.

* Phụ trách xã: **Tung Qua Lìn**

2.2. Phòng Dân tộc:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ, chính sách về công tác dân tộc, nhất là phối hợp triển khai hỗ trợ vay vốn ưu đãi giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề, sản xuất kinh doanh cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, đánh giá việc triển khai tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 gắn với giảm nghèo bền vững.

* Phụ trách xã: **Sì Lở Lầu**

2.3. Ban quản lý rừng phòng hộ: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện công tác Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, chính sách đầu tư phát triển rừng phòng hộ trong lâm phận được giao, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của các dự án quốc tế tài trợ. Là chủ rừng, đại diện cho Nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật trên lâm phận được giao. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương liên quan gắn kết công tác bảo vệ và phát triển rừng với các chương trình, dự án về lâm nghiệp thuộc diện tích rừng được giao quản lý, bảo vệ.

* Đồng phụ trách xã **Sì Lở Lầu** cùng với Phòng Dân tộc.

2.4. Ban Chỉ huy Quân sự huyện

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quân sự-quốc phòng địa phương. Chỉ đạo quân sự các xã, thị trấn các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, đảm bảo thế trận quốc phòng toàn dân, góp phần xóa đói-giảm nghèo.

* Phụ trách xã: **Vàng Ma Chải**

2.5. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh, thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn của bậc học Mầm non, tiểu học và Trung học cơ sở.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phân luồng đào tạo nghề, tham gia thị trường lao động cho học sinh sau trung học cơ sở, nhất là học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

* Phụ trách xã: **Mồ Sĩ San**

2.6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn giải quyết việc làm, đẩy mạnh hỗ trợ tiêu thụ nông sản, hàng hóa của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 và phát triển hệ thống kênh phân phối hàng Việt, tập trung vào thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa”.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, gắn với Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn huyện.

* Phụ trách xã: **Pa Vây Sừ**

2.7. Phòng Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân.

* Phụ trách xã: **Đào San**

2.8. Ngân hàng chính sách xã hội: Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định. Triển khai hiệu quả nguồn vốn vay theo Nghị định số 31/2007/NĐ-CP ngày 05/3/2007 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn từ 2021 đến 2030; giai đoạn 1 từ 2021 đến 2025.

* Đồng phụ trách xã **Đào San** cùng với Phòng Tư pháp

2.9. Phòng Văn hóa - Thông tin

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo bền vững; các giải pháp nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, gắn với tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về giảm nghèo. Triển khai thực hiện phong trào " *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", gắn với giảm nghèo bền vững.

* Phụ trách xã: **Mù Sang**

2.10. Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông

Triển khai thực hiện truyền thông về giảm nghèo đa chiều nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo. Tăng cường thực hiện các hoạt động thông tin, thời lượng phát sóng, mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, chương trình giảm nghèo, về các gương hộ nghèo làm kinh tế giỏi vươn lên thoát nghèo, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và giảm nghèo, phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau".

* Đồng phụ trách xã: **Mù Sang** cùng với Phòng Văn hóa-Thông tin

2.11. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các hoạt động sự nghiệp về khuyến nông, khuyến lâm, chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt, bảo vệ thực vật, các dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện.

* Phụ trách xã: **Bản Lang**

2.12. Thanh tra huyện

Tham mưu, chủ trì giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong vi phạm tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chế độ chính sách trên địa bàn huyện.

* Phụ trách xã: **Ma Li Pho**

2.13. Công an huyện

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là an ninh nông thôn, đảm bảo nhân dân yên tâm lao động sản xuất, xóa đói-giảm nghèo.

* Phụ trách xã: **Huổi Luông**

2.14. Trung tâm GDNN-GDTX

Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 03 tháng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng. Tư vấn nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho học viên; phối hợp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Góp phần tạo việc làm, thu nhập ổn định giảm nghèo bền vững.

* Đồng phụ trách xã **Huổi Luông** cùng với Công an huyện

2.15. Văn phòng HĐND-UBND huyện

Phụ trách công tác tham mưu, tổng hợp giúp Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh và các chế độ chính sách, an sinh cho người dân.

* Phụ trách xã: **Hoang Thèn**

2.16. Bảo hiểm xã hội: Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng

tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện; phối hợp rà soát cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội khác, hạn chế thiếu chi phí cho người dân khi tham gia khám, điều trị bệnh.

* Đồng phụ trách xã **Hoang Thèn** cùng với Văn Phòng HĐND-UBND huyện.

2.17. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện các giải pháp hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường; cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện, nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

* Phụ trách xã: **Khổng Lào**

2.18. Trung tâm Y tế huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện chính sách cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện các giải pháp và chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo về y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Triển khai các giải pháp vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

* Phụ trách: **Mường So**

2.19. Phòng Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức của huyện, nhất là bộ máy, cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo trình độ, năng lực công tác tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn gắn với phát triển kinh tế-xã hội địa phương, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo.

* Phụ trách xã: **Nậm Xe**

2.20. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các xã tham mưu UBND huyện, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện quản lý; đôn đốc kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu, giai đoạn 2021-2025.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ giải pháp hỗ trợ phát

triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực cho người dân, nhất là hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, phát triển hạ tầng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện. Triển khai các giải pháp hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với hỗ trợ giảm số hộ nghèo thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh, tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

* Phụ trách xã: **Sin Suối Hồ**

2.21. Ban Quản lý dự án huyện

Chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện đảm bảo kế hoạch, hiệu quả, chất lượng đáp ứng nhu cầu hoạt động phát triển kinh tế - xã hội huyện.

* Phụ trách xã: **Lân Nhì Thành**

2.22. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu, tổng hợp kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trình Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

* Phụ trách xã: **Thị Trấn**

2.23. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung Kế hoạch chủ động triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, phối hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.24. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Xây dựng kế hoạch thực hiện giảm nghèo giai đoạn, hằng năm đảm bảo sát với chỉ tiêu kế hoạch giao. Giao nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức phụ trách thôn bản, hộ gia đình để tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phát triển sản xuất, cải thiện nhà ở, giải quyết việc làm,...Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ, hướng dẫn hộ gia đình sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả đảm bảo thực hiện hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo đề ra. Phối hợp với cơ quan, đơn vị, phòng ban được giao phụ trách, giao đồng phụ trách triển khai tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tích cực tham gia phong trào giảm nghèo tại địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*"; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần "*trương thân, tương ái*" trong cộng đồng. Vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, lãng phí, gắn với thực hiện Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*". Phát động, vận động ủng hộ và triển khai sử dụng có hiệu quả, thiết thực Quỹ "*Vì người nghèo*".

Tổ chức hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc triển khai thực hiện các công tác giảm nghèo trên địa bàn.

4. Chế độ thông tin, báo cáo: Các cơ quan, đơn vị giao phụ trách các xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo kết quả triển khai thực hiện nội dung trong Kế hoạch này lồng ghép trong báo cáo hàng tháng về Ủy ban nhân dân huyện. Báo cáo 01 năm gửi về UBND huyện (qua Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện), thời gian trước ngày 10/12 để tổng hợp, đánh giá chung.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội đưa huyện Phong Thổ ra khỏi huyện nghèo vào năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TBXH, Ban Dân tộc; (B/c)
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện và các đoàn thể;
- Các thành viên BCD các CTMTQG huyện;
- Đảng ủy - HĐND - UBND các xã, thị trấn;
- VP: V, C
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bảo Trung